

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2019/TT-BTC ngày 28/01/2019 của Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 72/2017/TT-BTC ngày 17/7/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng các khoản thu từ hoạt động quản lý dự án của các chủ đầu tư, ban quản lý dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại công văn số 3327 /STC-TCĐT ngày 25/8/2021 về việc thẩm định điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông,


QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2021 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông, chi tiết như sau:

TT	Nội dung	Giá trị được duyệt tại Quyết định 95/QĐ-UBND	Tăng (+) Giảm (-)	Giá trị điều chỉnh
1	2	3	4	5
A	DỰ TOÁN THU			
I	Tổng số thu	4.255.662.621	+1.427.338.000	5.683.000.621
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	1.000.000.000	+474.025.098	1.474.025.098
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	2.013.851.621	+156.529.902	2.170.381.523
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	0	0	0



4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	1.241.811.000	+196.783.000	1.438.594.000
5	Nguồn thu hợp pháp khác	0	+600.000.000	600.000.000
II	Nguồn thu chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng			
III	Nguồn thu được sử dụng trong năm	4.255.662.621	+1.427.338.000	5.683.000.621
B	(III) = (I) – (II)	4.421.321.753		-383.443.590
B	DỰ TOÁN CHI	2.934.410.026	273.447.674	3.207.857.700
I	Chi thường xuyên	2.904.410.026	273.447.674	3.177.857.700
1	Tiền lương	1.744.995.940	-56.126.000	1.688.869.940
2	Tiền công	70.626.000	0	70.626.000
3	Các khoản phụ cấp lương	38.394.000	-5.560.000	32.834.000
4	Các khoản trích nộp theo lương	450.394.086	-14.866.326	435.527.760
5	Chi khen thưởng	30.000.000	0	30.000.000
6	Chi phúc lợi tập thể	50.000.000	0	50.000.000
7	Thanh toán dịch vụ công cộng	50.000.000	+100.000.000	150.000.000
8	Chi mua vật tư văn phòng	60.000.000	+90.000.000	150.000.000
9	Chi thanh toán thông tin, tuyên truyền	50.000.000	0	50.000.000
10	Chi hội nghị	40.000.000	0	40.000.000
11	Chi công tác phí	90.000.000	+60.000.000	150.000.000
12	Chi phí thuê mướn	20.000.000	0	20.000.000
13	Chi đoàn đi công tác tại nước ngoài	0	0	0
14	Chi đoàn vào	30.000.000	0	30.000.000
15	Chi khấu hao tài sản cố định	0	0	0
16	Chi sửa chữa thường xuyên tài sản	50.000.000	0	50.000.000
17	Chi phí khác	100.000.000	+100.000.000	200.000.000
18	Dự phòng	30.000.000	0	30.000.000
II	Chi không thường xuyên	30.000.000		30.000.000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	0
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	30.000.000		30.000.000
3	Sửa chữa lớn tài sản cố định	0		0
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	0		0
5	Chi khác	0		0

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài chính; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký 

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT. HĐND tỉnh;
- Ban P..háp chế HĐND tỉnh;
- Lưu: VP, TL, VC, HLe. 12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH




Lê Hữu Hoàng

